

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTT22B1**
Mã MH/MĐ: **MH04024**
Tên MH/MĐ: **Cây lương thực**
Số TC: **4**

Năm học: **22-23**

Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201102455	Nguyễn Tấn	Bánh	23/12/2007			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
2	2256201102456	Võ Thị Bảo	Dư	05/07/2006			7	7.0	8.0	8.5	8.0	8.0	9.0		8.5
3	2256201102457	Lâm Thúy	Duy	04/02/2007			6	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6
4	2256201102458	Trần Thanh	Đại	07/09/2007			6	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	10.0		8.9
5	2256201102459	Võ Quốc	Hiền	02/12/2007			6	7.0	7.0	6.5	6.5	5.0	0.0		2.5
6	2256201102460	Nguyễn Văn	Hoàng	23/12/2007			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
7	2256201102461	Lâm Bảo	Huy	04/11/2007			6	8.0	8.0	8.5	8.5	8.0	6.0		6.8
8	2256201102462	Võ Hoàng	Huy	27/09/2007			7	7.0	9.0	7.0	7.0	5.0	0.0		2.8
9	2256201102463	Dương Hoàng	Khang	17/08/2007			7	7.0	9.0	8.5	8.5	9.0	10.0		9.3
10	2256201102466	Nguyễn Gia	Khánh	06/11/2007			5	6.0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.1
11	2256201102467	Tăng Nguyễn Anh	Khoa	11/07/2007			6	7.0	7.0	6.0	6.5	5.0	8.0		7.3
12	2256201102468	Trần Nhật	Linh	23/08/2007			9	9.0	8.5	9.0	5.5	9.0	10.0		9.3
13	2256201102469	Lý Bảo	Lộc	17/11/2007			6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	5.0		5.9
14	2256201102470	Tổng Nguyễn Hồng	Luân	29/04/2007			5	5.0	7.0	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5
15	2256201102472	Đỗ Hữu	Nghĩa	06/01/2007			0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Huỳnh Kim Tiên